TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2022/HS-ST Ngày 24-5-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Công Huấn 2. Bà: Nguyễn Thị Hà Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36 /2022/QĐXXST-HS ngày 12/4/2022, đối với các bị cáo;

1. **Phạm Hữu H**, sinh năm 1956; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu Q (đã chết) và bà Lê Thị A (đã chết); Vợ: Lê Thị Th, sinh năm 1962 và có 4 con: Lớn nhất sinh năm 1985 nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thanh D**, sinh năm 1977; nơi sinh và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Danh T sinh năm 1947 và bà Lê Thị T (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có con: Sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Hữu Th**, sinh năm 1982; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu

H (đã chết) và bà Đàm Thị Ng, sinh năm 1950; Vợ: Ngô Thị N, sinh năm 1985 và có 3 con: Lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất 2020; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Văn H**, sinh năm 1975; nơi sinh và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1950; Vợ: Vũ Thị X, sinh năm 1976 và có 2 con: Lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh 2006; tiền sự: Không; tiền án: không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Bá N ,** sinh năm 1979; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Bá L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; Vợ: Phạm Thị G, sinh năm 1977 và có hai con: Lớn sinh năm 2008 nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. **Hoàng Ngọc Đ**, sinh năm 1976; nơi sinh và cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Ngọc S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933; Vợ: Lưu Thị Y, sinh năm 1978 và có 3 con: Lớn nhất sinh năm 1997 nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. **Đàm Văn Đ**, sinh năm 1988; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn L, sinh năm 1958 và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1961; Vợ con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Thiên Th,** sinh năm 1981; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thiên Th sinh năm 1948 và bà Phạm Thị M (đã chết); Vợ: Đặng Thị N, sinh năm 1984 và có ba con lớn nhất sinh năm 2003 nhỏ nhất 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. **Đoàn Văn C**, sinh năm 1986; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn M, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; Vợ: Đặng Thị V, sinh năm 1989 và có ba con: Lớn sinh năm 2013 nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. **Lê Văn Kh**, sinh năm 1984; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ 2, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S (đã chết) và bà Mai Thị H, sinh năm 1963; Vợ con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Án tích tại bản án số 293 ngày 29/11/2017 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. **Lê Ngọc T**, sinh năm 1984; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Ngọc N (đã chết) và bà Trần Thị Ng, sinh năm 1961; Vợ: Trần Thị Th, sinh năm 1989 và có ba con lớn nhất sinh năm 2009 nhỏ nhất 2020; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Án tích tại bản án số 23 ngày 10/6/2008 bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; tại bản án số 596 ngày 15/12/2011 bị TAND Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

12. **Ngô Quang C,** sinh năm 1986; nơi sinh và cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Quang T, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1962; Vợ: Lưu Thị T, sinh năm 1990 và có hai con lớn sinh năm 2014 nhỏ 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Phạm Hữu H:** Ông Phạm Ba Đô - Luật sư của Công ty luật TNHH SJKLAW địa chỉ Tầng 7, Số 3, Ngõ 115 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ngày 23/5/2022 Bị cáo Phạm Hữu Hoa có đơn từ trối luật sư (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 12/12/2021, Trần Thanh D, Phạm Hữu T, Trần Văn H, Lê Bá N, Hoàng Ngọc Đ, Đàm Văn Đ, Lê Thiên T, Đoàn Văn C, Lê Văn K, Lê Ngọc T và Ngô Quang C đến nhà Phạm Hữu H ở tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H để ăn liên hoan hồi công thợ xây xong nhà mới cho H. Sau khi liên hoan xong, đến khoảng 22 giờ khi mọi người đang ngồi uống nước, H nói "mấy anh em chơi vài ván ba cây cầm chương trống cửa 50.000đ cho vui" thì tất cả mọi người đồng ý. H dẫn mọi người vào phòng ngủ số 2 tầng 1 của gia đình H, có hai chiếu đã trãi sẵn. Sau đó H lấy 02 bộ bài tú lơ khơ đã cũ ở góc nhà để xuống chiếu cho các đối tượng chơi đánh bài. Do đông người nên cả nhóm chia thành hai chiếu bạc, chiếu bạc số 01 có 8 người gồm D, Đ, H, T, Ng, Đoàn Văn C, Đ, Th; chiếu bạc số 02 có 3 người gồm K, T và Ngô Quang C. H và mọi người thống nhất cứ 4-5 ván sẽ cắt ra cho H từ 20.000đ đến 30.000đ tiền công dọn dẹp, chè, nước (tiền hồ). Sau đó các đối tượng chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài 3 cây, còn H không tham gia đánh bài mà ngồi ở ngoài xem và lấy tiền hồ. Đến 23 giờ, khi các đối tượng đang đánh bài thì bị tổ công tác công an huyện Quảng Xương bắt quả tang, thu giữ tang vật gồm: tại chiếu bạc số 01 thu giữ số tiền 12.300.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây, 01 chiếu cói; tại chiếu bạc số 02 thu giữ số tiền 7.000.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây và 01 chiếu cói; Phạm Hữu H giao nộp 560.000đ tiền hồ H đã thu từ chiếu bạc số 01 còn chiếu bạc số 02 ít người nên không phải cắt tiền hồ cho H.

Hình thức đánh bài 3 cây cầm chương là dùng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, lọc hết các quân bài 10, J, Q, K ra lấy các quân bài từ A đến 9 (36 cây), khi chơi người cầm cái sẽ chia cho mỗi người 03 cây bài để tính điểm (01 điểm là thấp nhất, 10 điểm là cao nhất), những người tham gia chơi đặt tiền cược ở cửa của mình thấp nhất là 50.000đ, sau đó so điểm với nhà cái. Khi người chơi đã đặt xong tiền cược người cầm cái sẽ so điểm của mình với từng người chơi. Nếu điểm của người chơi cao hơn điểm của nhà cái thì người chơi sẽ thắng và được số tiền mình đã đặt cược từ trước, và ngược lại nếu điểm của người chơi tấp hơn điểm của nhà cái tức người chơi thua và sẽ mất số tiền mình đã đặt cược cho nhà cái, được thua nhà cái sẽ thanh toán tiền và kết thúc ván bài đó. Nếu các người chơi bằng điểm nhau thì xét chất rô, cơ, tép, bích và trong quá trình chơi ai được 10 điểm thì sẽ cầm cái ván tiếp theo.

Tại chiếu bạc số 01 có:

- Trần Thanh D có 1.520.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 1.820.000đ, thắng 300.000đ.

- Phạm Hữu Th có 1.360.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 910.000đ, thua 450.000đ.

- Trần Văn H tham có 4.000.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 3.800.000đ, thua 200.000đ.

- Lê Bá Ng có 850.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 1.000.000đ, thắng 150.000đ.

- Hoàng Ngọc Đ có 2.000.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 2.200.000đ, thắng 200.000đ.

- Đàm Văn Đ có 620.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 720.000đ, thắng 100.000đ.

- Lê Thiên Th có 1.320.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 1.020.000đ, thua 300.000đ.

- Đoàn Văn C có 1.190.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 830.000đ, thua 360.000đ.

Tại chiếu bạc số 2 có:

- Lê Văn Kh có 3.050.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 2.800.000đ, thua 250.000đ.

- Lê Ngọc T có 2.100.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 2.300.000đ, thắng 200.000đ.

- Ngô Quang C có 1.850.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt có 1.900.000đ, thắng 50.000đ.

- Phạm Hữu H không tham gia đánh bạc mà ngồi ngoài thu tiền hồ là 560.000đ.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, tất cả các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng.

Cáo trạng số: 44/CTr-VKSQX, ngày 07/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Hữu H về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS; các bị cáo Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th, Lê Văn K, Lê Ngọc T và Ngô Quang C về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng:

Điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Phạm Hữu H. Đề nghị xử phạt Phạm Hữu H từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Lê Văn Kh và Lê Ngọc T. Đề nghị xử phạt Lê Văn K và Lê Ngọc T mỗi bị cáo từ 7 tháng đến 9 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Trần Thanh D, Trần Văn H, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th và Ngô Quang C (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS cho Trần Thanh D, Phạm Hữu Th) đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 8 tháng đến

10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Xử phạt các bị cáo Đoàn Văn C; Đàm Văn Đ; Lê Bá Ng; Ngô Quang C; Phạm Hữu Th và Trần Thanh D từ 7 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Hoàng Ngọc Đ. Đề nghị xử phạt Hoàng Ngọc Đ từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 BLHS đối với bị cáo Lê Thiên Th. Đề nghị xử phạt Lê Thiên Th từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

- Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS đề nghị phạt bổ sung bị cáo Phạm Hữu H từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ .

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đề nghị phạt bổ sung các bị cáo Đàm Văn Đ; Ngô Quang C; Phạm Hữu Th và Trần Thanh D mỗi bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

- Vật chứng vụ án:

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 19.860.000đ; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội, biết mình sai với pháp luật xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên toà các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài 3 cây cầm chương: Khoảng 23h ngày 12/12/2021, tại nhà Phạm Hữu H ở tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện X, tỉnh H, Phạm Hữu H đã có hành vi tổ chức cho 11 đối tượng đánh bạc tại hai chiếu bạc, dưới hình thức đánh bài 3 cây cầm chương, trống cửa 50.000đ. Các đối tượng chia thành 02 chiếu bạc để đánh bạc: chiếu bạc số 1 gồm 8 đối tượng là Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ và Phạm Hữu Th; chiếu bạc số 2 gồm 3 đối tượng là Lê Văn Kh, Lê Ngọc T và Ngô Quang C. Thu giữ tại chiếu bạc số 01 số

tiền 12.300.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây, 01 chiếc chiếu cói; tại chiếu bạc số 02 số tiền 7.000.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây và 01 chiếc chiếu cói; và 560.000đ tiền hồ của Phạm Hữu H thu ở chiếu bạc số 1. Vậy tổng số tiền 2 cả hai chiếu bạc là 19.860.000đ (mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên toà. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Hữu H phạm tội "Tổ chức đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322- BLHS; các bị cáo Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th, Lê Văn Kh, Lê Ngọc T và Ngô Quang C phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Các bị cáo đánh bạc trái phép với hình thức đánh bài ba cây cầm chương có tính chất sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi bị pháp luật cấm. Các bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và nếp sống văn minh xã hội, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, do đó cần phải được xử lý nghiêm.

Về vai trò của các bị cáo: Căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự thì đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, Phạm Hữu H là người khởi xướng việc đánh bạc, quy định hình thức chơi, mức chơi tại chiếu bạc, chuẩn bị bài, chiếu cho các đối tượng đánh bạc và thu tiền hồ nên giữ vai trò độc lập về hành vi tổ chức đánh bạc. Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th, Lê Văn Kh, Lê Ngọc T và Ngô Quang C là những người trực tiếp tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau trong vụ án đánh bạc.

Về tình tiết tăng nặng và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng về nhân thân bị cáo Lê Văn Kh có án tích tại bản án số 293 ngày 29/11/2017 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Lê Ngọc T án tích tại bản án số 23 ngày 10/6/2008 bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; tại bản án số 596 ngày 15/12/2011 bị TAND Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo Phạm Hữu H có thành tích đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế vẻ vang tại Campuchia được tặng thưởng Huy chương hạng ba, có bố đẻ được tặng bằng khen trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nên được hưởng điểm v

khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS; các bị cáo Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu T và Ngô Quang C đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Phạm Hữu Th có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Trần Thanh D có bố là người có công với cách mạng; Hoàng Ngọc Đ có thành tích kỷ niệm chương trong Bảo vệ an ninh Tổ quốc, bố và mẹ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bằng khen trong sự nghiệp chống Mỹ và chống pháp xâm lược, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ Hoàng Ngọc T; Lê Bá Ng có bố được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì các bị cáo được hưởng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo Lê Văn Kh, Lê Ngọc T đều có nhân thân xấu đối với bị cáo Khánh tại bản án số 293 ngày 29/11/2017 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; còn bị cáo T tại bản án số 23 ngày 10/6/2008 bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; tại bản án số 596 ngày 15/12/2011 bị TAND Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo và răn đe người phạm tội trở thành công dân tốt.

Đối với các bị cáo Phạm Hữu H; Trần Thanh D, Trần Văn H, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th và Ngô Quang C, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội; các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, chấp hành tốt các quy định ở địa phương, có khả năng cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên cho các bị cáo được hưởng án treo, quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là không trái với nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nước ta.

Bị cáo Hoàng Ngọc Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự là đủ để giáo dục, cải tạo và răn đe người phạm tội trở thành công dân tốt. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có thu nhập ổn định được UBND xã xác nhận nên không khấu trừ thu nhập.

Bị cáo Lê Thiên Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên chỉ cần phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự là đủ để giáo dục, cải tạo và răn đe người phạm tội trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Đoàn Văn C và Lê Văn Kh; Lê Ngọc T và Lê Bá Ng (T và Ng thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo) các bị cáo khác đều có

hoàn cảnh gia đình khó khăn được UBND xã xác nhận nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Các bị cáo Trần Thanh D; Đàm Văn Đ; Phạm Hữu Th và Ngô Quang C cần phải phạt tiền nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Phạm Hữu Hoa vì mục đích vụ lợi nên phạm tội cần phải phạt tiền bổ sung nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Theo mức đề nghị hình phạt và hình phạt bổ sung của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho tất cả các bị cáo, là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Áp dụng Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.860.000đ (Mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền dùng để đánh bạc.

Tịch thu và tiêu hủy gồm 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ 32 cây) và 02 chiếc chiếu là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/ 0004973 ngày 31/3/2022.

[4] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn Kh và Lê Ngọc T.

Căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đàm Văn Đ; Ngô Quang C; Phạm Hữu Th và Trần Thanh D. (Phạm Hữu Th và Trần Thanh D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn H; Đoàn Văn C và Lê Bá Ng (Lê Bá Ng áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Ngọc Đ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thiên Th.

Tuyên bố bị cáo: Phạm Hữu H phạm tội "*Tổ chức đánh bạc"*. Các bị cáo: Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th, Lê Văn Kh, Lê Ngọc T và Ngô Quang C phạm tội *"Đánh bạc"*.

Xử phạt các bị cáo:

1. Lê Ngọc T 7 (bảy) tháng tù; được trừ đi ngày tạm giữ là ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự giác đi chấp hành hoặc bắt thi hành án.

2. Lê Văn Kh 7 (bảy) tháng tù; được trừ đi ngày tạm giữ là ngày 12/12/2021 đến ngày 18/12/2021; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự giác đi chấp hành hoặc bắt thi hành án.

3. Phạm Hữu H 15 (mười lăm) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Và bị phạt tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Trần Văn H 8 (tám) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Lê Bá Ng 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trần Thanh D 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Và bị phạt tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

7. Phạm Hữu Th 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Và bị phạt tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

8. Đàm Văn Đ 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Và bị phạt tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

9. Ngô Quang C 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Và bị phạt tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

10. Đoàn Văn C 7 (bảy) tháng tù cho được hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao người bị kết án Phạm Hữu H, Phạm Hữu Th; Lê Bá Ng; Đàm Văn Đ; Đoàn Văn C và Ngô Quang C cho Ủy ban nhân dân thị trấn P; Trần Thanh D và Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đ đều ở huyện X, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp

với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

11. Hoàng Ngọc Đ 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ được trừ đi ngày tạm giữ từ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/12/2021 bằng 9 (chín) ngày Cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày. Thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện X, tỉnh H nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức giám sát, giáo dục người bị kết án.

Không khấu trừ thu nhập của Hoàng Ngọc Đ.

Giao người bị phạt cải tạo không giam giữ (Hoàng Ngọc Đ) cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh H giám sát, giáo dục. Gia đình Hoàng Ngọc Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ trong việc giám sát, giáo dục (Hoàng Ngọc Đ).

12. Lê Thiên Th 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.860.000đ (Mười chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tịch thu và tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ 32 cây) và 02 chiếc chiếu đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày ngày 01/4/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/ 0004973 ngày 31/3/2022.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Phạm Hữu H, Trần Thanh D, Hoàng Ngọc Đ, Trần Văn H, Lê Thiên Th, Lê Bá Ng, Đoàn Văn C, Đàm Văn Đ, Phạm Hữu Th, Lê Văn Kh, Lê Ngọc T và Ngô Quang C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 5 năm 2022).

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Xương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đại Long